TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.

2. Ông Đỗ Văn Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An– Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 473/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh K – sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TT, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T- sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TT, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thanh K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu, quen biết yêu thương nhau, có con chung sau đó đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09/2011; Quyển số 02/2010 ngày 28/02/2011 của UBND xã T, thành phố P; Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng càng về sau cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan hệ vợ chồng căng thẳng không hạnh phúc; Ông T không lo tu chí làm ăn, chơi cờ bạc, thường xuyên nhậu say, vô cớ chửi bới, đánh đập vợ con, xúc phạm, không tôn trọng bà. Bà đã nhiều lần bỏ qua, cố gắng hàn gắn lo cho gia đình, nhưng ông T không thay đổi. Việc vợ chồng cãi vả, bà chưa báo chính quyền địa phương can thiệp vì nghĩ chuyện vợ chồng, nếu báo chính quyền thì không sống với nhau được nữa. Gần đây, có lần ông T đi nhậu say rồi kiếm chuyện chửi bới bà, lái xe mô tô tông thẳng vào chân bà, làm bầm tím chân nên bà không thể chịu đựng thêm. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ly hôn, ông T hăm dọa bà, yêu cầu bà rút đơn xin ly hôn, nếu không sẽ giết bà, do bà quá sợ hãi nên đã đưa con trai út tên Nguyễn Gia A (nam), sinh ngày 22/10/2015 về nhà anh trai ruột của bà sống từ cuối tháng 9/2019 đến nay.

Nay bà K xác định: cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của ông, bà ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thanh T (nữ), sinh ngày 26/12/2006, Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 30/9/2012 và Nguyễn Gia A (nam), sinh ngày 22/10/2015; Sau khi ly hôn bà K đề nghị Tòa án giao cả 03 con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, trường hợp Tòa án không giao cả 03 con cho bà nuôi dưỡng thì bà đề nghị được nuôi 02 con chung Nguyễn Thanh T và Nguyễn Gia A, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: bà K khai sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

* Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Tấn T: Theo biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Tấn T ngày 12/9/2019 và tại phiên tòa ông T trình bày về các nội dung tranh chấp trong vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông T, bà K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2011, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, ông công nhận những lúc ông say rượu không làm chủ được bản thân thì vợ chồng có xô xát, cãi vã, lúc nóng giận ông có đánh bạt tai bà K mấy cái. Ông T thừa nhận có lần ông T

nghe thông tin bà K đi nhậu với bạn, do say rượu nên ông T có tìm bà K gây gỗ, việc ông tông xe vào bà K làm bầm tím chân bà K là do lúc đó ông say rượu và vô ý làm ngã xe chứ không cố ý tông bà K. Tại phiên tòa, ông T xác định vợ chồng ông bà mâu thuẫn đã trầm trọng, bà K đã bỏ nhà ra ngoài sống và kiên quyết ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thanh T (nữ), sinh ngày 26/12/2006, Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 30/9/2012 và Nguyễn Gia A (nam), sinh ngày 22/10/2015; Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù ông T làm nghề đi cắt thanh long thuê, công việc không ổn định, thu nhập mỗi ngày làm việc khoảng 500.000đồng nhưng ông xác định vẫn đủ nuôi cả ba con, ông T không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung***:** ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi vợ chồng bà K ông T cư trú: quá trình chung sống của vợ chồng bà K, ông T thời gian gần đây có mâu thuẫn do ông T nhậu say về thì vợ chồng cãi vã nhau, Trưởng chi hội phụ nữ xã T ở cùng thôn với ông T, bà K khi nghe thông tin vợ chồng ông T, bà K có mâu thuẫn, bà K làm đơn ly hôn thì có động viên bà K rút đơn ly hôn để hàn gắn gia đình nhưng bà K cương quyết ly hôn.

Tại các bản tự khai của con chung là cháu Nguyễn Thanh T (nữ), sinh ngày 26/12/2006, Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 30/9/2012 có nguyện vọng sau khi ly hôn đều muốn ở với bà Nguyễn Thanh K sau khi bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:

[1]Việc tuân theo thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không tham gia hòa

giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng lần thứ hai thì đã chấp hành có mặt tại phiên tòa.

[2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: căn cứ hồ sơ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông bà là trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đat được, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 công nhận bà K, ông T thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/12/2006, Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/9/2012 và Nguyễn Gia A, sinh ngày 22/10/2015; Cháu Nguyễn Thanh T và Nguyễn Gia B đang ở với ông T, cháu Nguyễn Gia A đang ở với bà K. Để tạo điều kiện ổn định về chỗ ở, bảo đảm việc học tập của cháu T và cháu B, đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thanh T, Nguyễn Gia B cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, đề nghị giao cháu Nguyễn Gia A cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng. Cả hai người không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

** Về thủ tục tố tụng*:

Theo đơn khởi kiện và sổ hộ khẩu do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn bà Nguyễn Thanh K và bị đơn ông Nguyễn Tấn T đăng ký cùng hộ khẩu thường trú tại: Thôn TT, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do vậy việc bà K kiện ly hôn ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

**Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:*

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh K và ông Nguyễn Tấn T là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09/2011; Quyển số 02/2010 ngày 28/02/2011 của UBND xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh K kiện xin ly hôn ông Nguyễn Tấn T vì xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do bất đồng quan điểm và tính tình, bà đã nhiều lần tạo cơ hội để ông Tâm thay đổi, để hòa giải, vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng ông T không thay đổi, vẫn tiếp tục uống rượu say, dùng bạo lực, chửi bới thô bạo cả vợ và con, nên bà kiên quyết xin ly hôn.

Qúa trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tấn T cho rằng ông vẫn còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn, nhưng khi Tòa án thông báo hòa giải thì ông T không hợp tác, không đến Tòa án để hòa giải, chứng tỏ ông bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải, dàn xếp mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Tấn T xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thanh K.

Xét thấy từ lời khai của vợ chồng bà K, ông T, và kết quả xác minh tại địa phương nơi vợ chồng ông bà cư trú cho thấy: mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà K là có xảy ra, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được; Quá trình giải quyết ly hôn Tòa án cũng đã cho thời gian và tác động nhiều để bà K, ông T hàn gắn đoàn tụ nhưng bà K vẫn kiên quyết ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Tại phiên tòa, ông T cũng đồng ý ly hôn bà K. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thanh K và ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thanh K được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

[2] ***Về con chung:*** Vợ chồng bà K, ông T có 03 con chung là: Nguyễn Thanh T (nữ), sinh ngày 26/12/2006, Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 30/9/2012 và Nguyễn Gia A (nam), sinh ngày 22/10/2015; Bà K đề nghị Tòa án giao 03 con chung cho bà nuôi dưỡng, trường hợp Tòa án không giao cả 03 con cho bà nuôi dưỡng thì đề nghị giao cháu T và cháu A cho bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho ông nuôi dưỡng, không đề nghị bà Kiều cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà K và ông T đều có đủ sức khỏe, tuy nhiên cả hai đều làm thuê, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định, nếu giao cả 03 con cho bà K hoặc giao cả 03 con cho ông T nuôi dưỡng hoặc giao hai con T, A cho bà K, giao cháu B cho ông T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của bà K tại phiên tòa hôm nay thì đều không đảm bảo lợi ích về mọi mặt của các con. Hiện nay, cháu T và cháu B đang ở với ông T và được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu A đang ở với bà K và do bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao con chung Nguyễn Thanh T (nữ), sinh ngày 26/12/2006, Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 30/9/2012 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Gia A (nam), sinh ngày 22/10/2015 cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, sẽ đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con chung.

Bà K, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc trợ cấp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án, việc trợ cấp nuôi con chung của ông, bà sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng, khi có yêu cầu và làm đơn khởi kiện theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: bà K, ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thanh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ do bà K nộp tại biên lai số 0027852 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án Dân sự;

2. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thanh K và ông Nguyễn Tấn T. Bà Nguyễn Thanh K được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Vợ chồng bà K, ông T có 03 con chung là: Nguyễn Thanh T (nữ), sinh ngày 26/12/2006, Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 30/9/2012 và Nguyễn Gia A (nam), sinh ngày 22/10/2015;

Tuyên giao con chung tên Nguyễn Thanh T (nữ), sinh ngày 26/12/2006 và con chung tên Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 30/9/2012 cho ông Nguyễn Tấn T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tuyên giao con chung tên Nguyễn Gia A (nam), sinh ngày 22/10/2015 cho bà Nguyễn Thanh K tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà K, ông T không yêu cầu nên Tòa án không xét.

Bà Nguyễn Thanh K và ông Nguyễn Tấn T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà K, ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thanh K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà K nộp tại biên lai số 0027852 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà K đã nộp xong án phí sơ thẩm;

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/10/2019)./.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh;*
- *VKS ND Tp.Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS TP. Phan Thiết;*
- *UBND xã T;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên